

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2022
V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn;
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1971 (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Số 111/53A P, Khóm B, Phường M, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 111/53A P, Khóm B, Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn trình bày: Bà với ông Nguyễn Thành D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1992. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17 tháng 10 năm 2002. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1993 và Nguyễn Thành L1, sinh năm 1999.

Lúc đầu cuộc sống tương đối hạnh phúc. Nhưng cách nay khoảng 01 năm giữa vợ chồng thường xảy ra những sự việc bất đồng ý kiến, mâu thuẫn với nhau, hạnh phúc gia đình bị rạn nứt. Vì tình nghĩa vợ chồng nên bà S cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, hạnh phúc gia đình hoàn toàn đổ vỡ.

Nay nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà S yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà S yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Thành D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D cũng không nộp cho Tòa văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà S.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do ông Nguyễn Thành D vắng mặt và bà Nguyễn Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Cả nguyên đơn và bị đơn cùng cư trú tại Khóm B, Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thành D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả bà S và ông D.

[2] Về mặt nội dung: Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Thành D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1992 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2002, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đây là hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống bà S cho rằng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà S trình bày là do giữa vợ chồng thường xảy ra những sự việc bất đồng ý kiến, mâu thuẫn với nhau, hạnh phúc gia đình bị rạn nứt. Bà S có cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Đối với ông Nguyễn Thành D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải, lấy lời khai, xét xử nhưng ông D đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà S. Điều đó cho thấy ông D cũng không có thiện chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà S, không quan tâm, bỏ mặc mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy hôn nhân giữa bà S và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của của bà S là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Thành L1, sinh năm 1999 là con chung của bà S và ông D đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà S yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 53, 54, 56, 57 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Nguyễn Thành D.

Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai

thu tiền số 0011899 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên bà S không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND Phường M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa